

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân cấp xã
và kinh phí tổ chức, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách
đối với người có uy tín**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 550/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh quy định thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 351/TTr-STC ngày 06/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, số tiền: 1.746.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng*), từ nguồn chi quản lý hành chính chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, để bổ sung nguồn chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: 1.446 triệu đồng và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín: 300 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, HĐND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: Triệu đồng.



| TT | Huyện, thị xã, thành phố | Tổng cộng kinh phí | Kinh phí hỗ trợ | | |
|------------------|---|-----------------------|------------------------|--------------|--|
| | | | Trong đó | | |
| | | | Ban Thanh tra nhân dân | | Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín, năm 2021 |
| Số lượng (xã) | Kinh phí (bao gồm năm 2020 và 2021) | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| TỔNG CỘNG | | 1.746 | 241 | 1.446 | 300 |
| 1 | Hội An | 78 | 13 | 78 | - |
| 2 | Điện Bàn | 120 | 20 | 120 | - |
| 3 | Quế Sơn | 78 | 13 | 78 | - |
| 4 | Núi Thành | 102 | 17 | 102 | - |
| 5 | Thăng Bình | 132 | 22 | 132 | - |
| 6 | Đại Lộc | 108 | 18 | 108 | - |
| 7 | Tiên Phước | 90 | 15 | 90 | - |
| 8 | Bắc Trà My | 128 | 13 | 78 | 50 |
| 9 | Đông Giang | 116 | 11 | 66 | 50 |
| 10 | Nam Giang | 122 | 12 | 72 | 50 |
| 11 | Phước Sơn | 122 | 12 | 72 | 50 |
| 12 | Hiệp Đức | 66 | 11 | 66 | - |
| 13 | Duy Xuyên | 84 | 14 | 84 | - |
| 14 | Nam Trà My | 110 | 10 | 60 | 50 |
| 15 | Tây Giang | 110 | 10 | 60 | 50 |
| 16 | Phú Ninh | 66 | 11 | 66 | - |
| 17 | Tam Kỳ | 78 | 13 | 78 | - |
| 18 | Nông Sơn | 36 | 6 | 36 | - |